

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM VỐN NĂM 2024 VỀ TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2025)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CỦA XÃ SƠN TÂY HẠ

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND xã Sơn Tây Hạ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án đầu tư công/Dự án thành phần	Kế hoạch đầu tư công đã được cấp thẩm quyền giao													Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh													Ghi chú
		Chủ đầu tư, đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước chuyển sang)								Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn xử lý chuyển tiếp (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước chuyển sang)								
			Tổng cộng	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang 2025					Tổng cộng	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang 2025				
				NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
								NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện							NSTW	NS tỉnh	NS huyện		NSTW	NS tỉnh	NS huyện	
	TỔNG CỘNG:		10.501,104	9.312,075	1.062,029	127,000	3.410,290	2.983,661	426,629	-	6,400	6,400	-	-	-	10.501,104	9.312,075	1.062,029	127,000	3.410,289	2.983,660	426,629	-	6,400	6,400	-	-	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		10.501,104	9.312,075	1.062,029	127,000	3.410,290	2.983,661	426,629	-	6,400	6,400	-	-	-	10.501,104	9.312,075	1.062,029	127,000	3.410,289	2.983,660	426,629	-	6,400	6,400	-	-	
	* Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		10.501,104	9.312,075	1.062,029	127,000	3.410,290	2.983,661	426,629	-	6,400	6,400	-	-	-	10.501,104	9.312,075	1.062,029	127,000	3.410,289	2.983,660	426,629	-	6,400	6,400	-	-	
1	Xây dựng đường BTXM nhà bà Buông đi nhà ông Mót	UBND xã Sơn Tinh	1.129,375	1.024,975	104,400	-	-			-	6,400	6,400	-	-	UBND xã Sơn Tây Hạ	1.129,375	1.024,975	104,400	-	-			-	6,400	6,400	-	-	
2	Xây dựng đường BTXM Nhà bà Thủy - ông Hia, thôn Nước Kìa	UBND xã Sơn Tinh	1.477,500	1.305,000	130,500	42,000	-				-	-	-	-		1.477,500	1.305,000	130,500	42,000	-			-	-	-	-		
3	Nâng cấp HTCSNH xã Sơn Tinh	UBND xã Sơn Tinh	990,000	900,000	90,000	-	990,000	900,000	90,000	-	-	-	-	-		990,000	900,000	90,000	-	990,000	900,000	90,000	-	-	-	-	-	
4	Nâng cấp Nhà Văn hóa xã Sơn Tinh	UBND xã Sơn Tinh	1.138,500	1.035,000	103,500	-	1.138,500	1.035,000	103,500	-	-	-	-	-		1.138,500	1.035,000	103,500	-	1.138,500	1.035,000	103,500	-	-	-	-	-	
5	Nước sinh hoạt xóm ông Ghánh, thôn Đắk Panh	UBND xã Sơn Mầu	794,900	696,000	69,900	29,000	-			-	-	-	-	-		794,900	696,000	69,900	29,000	-			-	-	-	-	-	
6	Nối tiếp kênh mương Tà Win, thôn Tà Vinh	UBND xã Sơn Mầu	972,000	870,000	87,000	15,000	-			-	-	-	-	-		972,000	870,000	87,000	15,000	-			-	-	-	-	-	
7	Bê tông hóa đường thôn: Tuyến đường từ ĐH83c đi xóm ông Buông, thôn Đắk Pao	UBND xã Sơn Mầu	570,639	518,439	52,200	-	-			-	-	-	-	-		570,639	518,439	52,200	-	-			-	-	-	-	-	
8	Bê tông hóa đường thôn: Tuyến đường từ ngã ba đường mới đến xóm ông Đồ, thôn Đắk Pao	UBND xã Sơn Mầu	684,900	609,000	60,900	15,000	-			-	-	-	-	-		684,900	609,000	60,900	15,000	-			-	-	-	-	-	
9	Đập thủy lợi suối Ka Lăng	UBND xã Sơn Lập	1.461,500	1.305,000	130,500	26,000	-			-	-	-	-	-		1.461,500	1.305,000	130,500	26,000	-			-	-	-	-	-	
10	Đường BTXM từ nhà ông Đình Văn Kham đến nhà ông Đình Văn Tiểu, thôn Mang Trầy	UBND xã Sơn Lập	1.281,790	1.048,661	233,129	-	1.281,790	1.048,661	233,129	-	-	-	-	-		1.281,790	1.048,661	233,129	-	1.281,789	1.048,660	233,129	-	-	-	-	-	